TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2021/QĐST-HNGĐ	*Hải Dương, ngày 17 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, về việc: *Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 67/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Đặng Thị L**, sinh năm 1986.

Hộ chiếu số C0940250 cấp ngày 16/9/2015.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn AĐ , xã ĐS, huyện Gi, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: GunMa, NB.

- Anh **Bùi Năng T**, sinh năm 1986.

Hộ chiếu số B9698713 cấp ngày 17/10/2014.

Đia chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn AĐ , xã ĐS, huyện Gi, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Tokyo, NB.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền về việc giao nhận tài liệu của chị L, anh T: Bà **Lê Thị Gi**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn AĐ , xã ĐS, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.

Theo giấy ủy quyền đã được Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại NB chứng thực ngày 25/01/2021.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Đặng Thị L, anh Bùi Năng T và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Bùi Năng T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Định (nay là xã ĐS), huyện Gi, tỉnh Hải Dương ngày 20/9/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2015 thì anh T đi xuất khẩu lao động và học tập tại NB, tháng 01/2016 chị Đặng Thị L cũng sang NB để học tập. Mặc dù cùng sang NB nhưng vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai, kinh tế độc lập, việc ai người ấy làm, vợ chồng không có biện pháp để tháo gỡ. Nay chị L và anh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị L, anh T có 01 con chung là Bùi Diệp A, sinh ngày 19/7/2014, hiện đang ở với bà Gi (là bà nội của cháu). Anh, chị thống nhất, thỏa thuận giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên; anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ/1tháng kể từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu Diệp A tròn 18 tuổi. Chị L nhất trí và ủy quyền cho bà Gi nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Diệp A trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam.

Về tài sản, nợ chung: Chị L, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ việc, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho bà Gi nhận. Sau khi nhận văn bản, bà Gi đã thông báo cho chị L, anh T biết. Chị L, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn; giao con chung Bùi Diệp A cho chị L nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000đ/1tháng kể từ tháng 5/2021 cho đến khi con Diệp A tròn 18 tuổi. Bà Gi nhất trí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Diệp A trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam. Về tài sản chung anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng giải quyết việc dân sự và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ việc: căn cứ Điều 55, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị L và anh Bùi Năng T. Giao con chung Bùi Diệp A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian chị L ở nước ngoài, bà Gi trực tiếp nuôi dưỡng cháu Diệp A đến khi chị L về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/1tháng kể từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu Diệp A tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đặng Thị L và anh Bùi Năng T hiện đang cư trú tại NB. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong đơn khởi kiện, đơn xin ly hôn, bản tự khai và giấy ủy quyền của chị L, anh T gửi về đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại NB chứng thực, anh chị có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bà Lê Thị Gi nhất trí nhận sự ủy quyền và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt chị L, anh T và bà Gi.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Bùi Năng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Định (nay là xã ĐS), huyện Gi, tỉnh Hải Dương ngày 20/9/2013, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn đến tháng 4/2015 anh T đi xuất khẩu lao động và học tập tại NB, tháng 01/2016 chị L cũng sang NB để học tập. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị L và anh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, anh T là phù hợp với quy Định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L, anh T thỏa thuận giao con chung Bùi Diệp A, sinh ngày 19/7/2014 cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/1tháng kể từ tháng 5/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị L ủy quyền cho bà Lê Thị Gi chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Diệp A khi chị không ở Việt Nam, bà Gi nhất trí nhận ủy quyền của chị L. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận, giao con chung Bùi Diệp A cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên. Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ/1tháng kể từ tháng 5/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Bà Gi tiếp tục nuôi dưỡng cháu Diệp A trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh T không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí, án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T tự nguyện chịu cả tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị L và anh Bùi Năng T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị L, anh T giao con chung Bùi Diệp A, sinh ngày 19/7/2014 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/1tháng kể từ tháng 5/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu Diệp A cho bà Lê Thị Gi chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị L không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi chị Đặng Thị L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh Bùi Năng T chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về lệ phí: Anh Bùi Năng T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0005844 ngày 13/4/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã thi hành xong khoản tiền trên.

Anh Bùi Năng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã ĐS,huyện Gi;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Xuân Trường